

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17-6-2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Văn Trường

Ông Hoàng Văn Đạo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Trang, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Kim S, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S chung sống với nhau từ năm 2000, không được tự do tìm hiểu mà do gia đình hai bên mai mối và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2000, do không hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, quá trình chung sống những năm trước đây có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức độ trầm trọng. Đến vài năm gần đây vợ chồng bắt đầu ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn; nguyên nhân là anh Hoàng Kim S hay đi chơi cờ bạc và có sử dụng chất ma túy, không chịu tu

trí làm ăn, nhiều lần đòi tiền nếu chị không cho thì chửi mắng chị. Hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau và anh Sáng thường xuyên dọa nạt đánh đập chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị Dương Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Hoàng Kim S nên chị Dương Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Kim S.

Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2001. Hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Kim S trình bày như sau:*

Qua mai mối, tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh Hoàng Kim S và chị Dương Thị T đã chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng không đi đăng ký kết hôn. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân, nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên không thể sống với nhau được. Hiện nay chị Dương Thị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2001. Hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án nguyên đơn chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Hoàng Kim S, quá trình giải quyết vụ án có đến Tòa án trình bày ý kiến nhưng không đến tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S là vợ chồng. Về con chung: có một người con tên là Hoàng Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2001, nay đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về

tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án ly hôn sơ thẩm phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Kim S có địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Anh Hoàng Kim S vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Kim S là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 2000, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S đều cho rằng vợ chồng chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ngày 10 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B. Kết quả xác minh cho thấy, qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Dương Thị T với anh Hoàng Kim S. Vì vậy, chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S là vợ chồng.

[5] Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2001, hiện nay đã trưởng thành, quá trình giải quyết vụ án cả chị T và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S đều có ý kiến không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S đều trình bày là không có nên không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị T và anh Hoàng Kim S là vợ chồng.

2. Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Thị Trúc L, sinh ngày 23/9/2001, đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết

4. Nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/05983 ngày 08/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Kim S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Ngọc**

